



TỤC THỜ THIÊN HẬU THÁNH MẪU CỦA NGƯỜI HOA Ở THỪA THIÊN HUẾ

Dương Thị Hải Vân*

Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Thiên Hậu Thánh Mẫu là một vị nữ thần được người Hoa mang theo trong hành trình di dân từ Trung Hoa đến Việt Nam vào các thế kỷ XVII, XVIII, XIX. Tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu vì thế xuất hiện ở những nơi có cộng đồng người Hoa sinh sống, phổ biến nhất là ở Nam Bộ. Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, vì nhiều nguyên nhân, tục thờ Thiên Hậu không mạnh bằng các nơi khác nhưng vẫn mang những nét đặc sắc về cơ sở thờ tự, hoạt động thờ cúng và các sinh hoạt văn hóa có liên quan. Bài viết này được thực hiện trên quá trình điền dã, thu thập tư liệu thực tế tại các điểm người Hoa hiện đang sinh sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua đó, chúng tôi tập trung nghiên cứu 3 nội dung chính: quá trình định hình và phát triển tục thờ Thiên Hậu ở Thừa Thiên Huế; những đặc điểm của tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu trong tín ngưỡng thờ nữ thần ở vùng đất này, sự biến đổi trong tục thờ cúng Thiên Hậu Thánh Mẫu trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa. người Hoa, tín ngưỡng thờ nữ thần, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thừa Thiên Huế

1. Mở đầu

Tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu được người Hoa mang theo trong hành trình di dân từ Trung Hoa đến Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Tại Thừa Thiên Huế, qua hơn 400 năm tồn tại và phát triển, tục thờ đã mang những đặc điểm và giá trị nhất định, góp phần tạo sự đa dạng cho đời sống tín ngưỡng thờ nữ thần ở Thừa Thiên Huế. Bài viết này là kết quả quá trình chúng tôi đi khảo sát thu thập tư liệu tại những nơi có đông người Hoa sinh sống, chủ yếu ở thành phố Huế và thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội dung nghiên cứu tập trung vào quá trình định hình và phát triển tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu; hiện trạng tục thờ trong bối cảnh ngày nay. Từ đó, chúng tôi không chỉ đánh giá ý nghĩa, giá trị tục thờ mà còn thấy sự biến đổi tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu qua lịch sử cũng như hướng phát triển trong tương lai.

*Liên hệ: duonghaivan.phuxuan@gmail.com

2. Nội dung tục thờ

2.1. Danh xưng, nguồn gốc tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu

Thiên Hậu Thánh Mẫu (Bà Thiên Hậu) được gọi với nhiều danh xưng: *Thiên Thượng Thánh Mẫu* (天上聖母, Mẹ Thánh trên trời), *Ma Tổ, Mã Tổ* (媽祖, Bà Tô), *Mẫu Tổ* (母祖, Mẹ Tô)... nhưng phổ biến nhất là *Thiên Hậu Thánh Mẫu* (天后聖母). Tục thờ Bà xuất phát từ tín ngưỡng thờ Ma Tổ (Mazu) vào thời Tống, tại đảo Mi Châu, Phổ Điền, Phúc Kiến, Trung Quốc vào các thế kỷ X, XII. Người dân cổ sinh sống ở các vùng đất này thường làm nghề cá, buôn bán trao đổi hàng hóa trên sông nước, biển cả. Đến đầu thế kỷ XIII, Bà được cư dân vùng duyên hải Nam Trung Quốc thờ ngày càng nhiều. Về sau, tín ngưỡng thờ Bà dần lan tỏa ảnh hưởng đến các nơi ở Trung Quốc nhờ chính sách của triều đình phong kiến. Thời Nguyên, Bà được phong làm *Thiên phi*, đến thời vua Khang Hy nhà Thanh được gia phong *Thiên Hậu Thánh Mẫu* [10]. Từ đời nhà Tống cho đến ngày nay, tín ngưỡng thờ Thiên Hậu ở Trung Quốc đã tồn tại hơn 1000 năm lịch sử.

Có nhiều dị bản khác nhau về sự tích Thiên Hậu Thánh Mẫu. Phổ biến nhất, người ta cho rằng Thiên Hậu Thánh Mẫu vốn là con gái thứ 6 của ông Lâm Nguyên, người đất Bồ Điền, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa. Bà tên thật là Lâm Mặc, còn gọi là Lâm Mặc Nuong, sinh ngày 23 tháng 3 năm Tống Kiến Long (960). Khi Bà được sinh ra, những luồng ánh sáng và hương thơm kỳ lạ xuất hiện. Từ khi sinh đến lúc đầy tháng Bà không hề khóc, nên còn có tên là *Mặc Nuong*. Từ nhỏ bà đã rất thông minh, có pháp lực, hay giúp đỡ mọi người. Bà có thể cuôi chiếu lướt trên biển cả, cuôi mây ngao du khắp thiên hạ nên được gọi là “Long nữ”. Khi lớn lên, nhiều người cầu hôn nhưng Bà không lấy chồng. Do sinh ra và lớn lên ở vùng biển nên Bà rất thông hiểu khí tượng thiên văn thủy triều, thường giúp đỡ các thuyền bè đánh cá, đi biển. Năm Bà mười sáu tuổi, một hôm Bà đang ngồi trong khuê phòng chợt nhắm mắt, khoa chân múa tay liên hồi. Người mẹ hoảng sợ vội lay Bà. Bà mở mắt tỉnh dậy. Vài ngày sau, các anh trai của Bà trở về, chỉ trừ người anh cả. Họ kể lại việc anh em đi thuyền lúc biển động mạnh, gặp con sóng thần. Chính lúc đó có một bé gái đạp sóng đi đến, nắm dây cột buồm dẫn thuyền đi vào eo biển tránh gió. Khi cô bé đang dẫn thuyền người anh cả thì bỗng biến mất, thuyền cũng bị sóng đánh chìm. Nghe đến đây, mọi người đều hiểu chính là Bà đã cứu các anh. Đến ngày 9 tháng 9 năm 987, Bà nhờ mẹ giúp mình trang điểm lộng lẫy, ngồi nghiêm trang trên ghế và nhắm mắt lại. Sau đó một đoàn tiên nữ trên trời bước xuống dìu Bà lên đuôi rồng bay về trời [2], [3, Tr. 207-208], [10]. Người đời tin rằng Thiên Hậu chính là con gái Ngọc Hoàng, nên khi dựng miếu thờ Bà thì gọi là miếu Ma Tổ. Từ đó về sau, ngư dân đi biển thường thấy Bà mặc áo bào màu đỏ bay lượn trên biển cả cứu người gặp nạn. Vì vậy, những người đi biển, cư dân vùng ven biển đều thờ Bà, coi Bà là vị hải thần bảo hộ của mình, xin Bà phù hộ bình an, làm ăn phát đạt. Bà trở thành vị Nữ thần của biển cả – Thủy thần, Hải Thần, phù hộ che chở cho các

ngư dân và thương khách trên biển. Hình tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu vì thế đã được những đoàn người Hoa mang theo trong những chuyến hải trình đi khắp nơi.

2.2. Quá trình định hình phát triển tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở Thừa Thiên Huế

Người Hoa di dân vào Việt Nam đã từ lâu trong lịch sử. Trước thế kỷ X, họ chủ yếu đi bằng đường bộ đến Đại Việt. Từ sau thế kỷ X đến trước thế kỷ XVII, người Hoa đa phần buôn bán giao lưu với cư dân Việt Nam ở các vùng cảng biển, hải đảo. Các đợt di dân đông đảo nhất phải từ thời Đàng Trong, chủ yếu vào thời cuối Minh đầu Thanh. Năm 1644, nhà Minh bị nhà Mãn Thanh đánh bại. Nhiều thần dân nhà Minh chạy về các tỉnh phía nam Trung Quốc để ẩn náu. Tuy nhiên, nhà Thanh sau đó đã liên tiếp tấn công về phương Nam, nhằm tiêu diệt tận gốc. Một mặt muốn bảo tồn nền văn hóa Hán, không chịu theo văn hóa Mãn Thanh; mặt khác để tránh bị nhà Thanh tiêu diệt, nhiều thần dân nhà Minh đã ồ ạt đi tứ xứ, tạo nên một làn sóng di cư mạnh mẽ đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Đông đảo nhất vẫn là các đợt di dân vào Nam Bộ. Chính những người Hoa di dân này đã được chúa Nguyễn Phúc Tần cho vào đất Đông Phố (ngày nay là vùng đất thuộc thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai) để khai phá đất đai. Như đợt đầu tiên vào thế kỷ XVII, khi Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đoàn người khoảng 7000 người rời tỉnh Quảng Đông vào Chợ Lớn, Mỹ Tho [4, Tr. 316]. Ở các nơi ấy, các đoàn người đã khai phá đất hoang, cất phố, lập chợ, dần dần hình thành những trung tâm buôn bán tập nập thương thuyền các nước. Họ cùng các cộng đồng cư dân khác sống hòa hợp bên nhau. Cũng từ đó, nền văn hóa Trung Hoa có điều kiện thâm nhập vào đời sống cư dân miền đất mới này, mà một trong những biểu hiện nổi bật nhất chính là sự lan tỏa tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu khắp Nam Bộ.

Riêng ở vùng Thuận Hóa xưa, tỉnh Thừa Thiên Huế nay, người Hoa đến định cư phải vào giữa thế kỷ XVII, ít nhất cũng sau năm 1658. Phần đông họ đến từ Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam. Đây là những khu vực ven biển phía Nam Trung Quốc, người dân sống chủ yếu với nghề biển. Chiếc thuyền là phương tiện di chuyển, phương tiện làm ăn sinh sống của họ. Biển cả bao la khiến con người luôn cảm thấy nhỏ bé trước hiểm nguy. Vì thế, Thiên Hậu Thánh Mẫu được họ thỉnh theo, kính cẩn thờ tự và cầu nguyện Bà bảo vệ cho những chuyến di dân an lành. Bà chính là sức mạnh tín ngưỡng tiếp thêm niềm tin cho những đoàn người di dân đi khắp nơi. Đến vùng đất mới, họ lập miếu thờ, vừa tạ ơn Bà phù trợ, vừa tiếp tục cầu nguyện sự linh ứng che chở của Bà. Nơi đầu tiên thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở xứ Thuận Hóa chính là *Thiên Hậu cung*, ở phố cảng Thanh Hà, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà (nay là làng Minh Thanh, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế). Thiên Hậu cung được xây dựng năm nào, không có văn bia, tư liệu nào ghi lại. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng

năm 1685 chính là thời gian người Hoa lập nên Thiên Hậu cung [7, Tr. 22]. Thiên Hậu cung nằm ở vị trí mốc giới phía Bắc của phố Thanh Hà¹.

Từ mảnh đất đầu tiên ấy, những người Hoa bắt đầu lập nghiệp, xây dựng cuộc sống, rồi dần dần lan tỏa mạnh mẽ và rộng lớn ra nhiều nơi ở xứ Thuận Hóa và các dinh trấn lân cận trong các thế kỷ về sau. Từ Thanh Hà, Bao Vinh, cộng đồng người Hoa tiến dần về phía Kinh thành Huế, xây nhà lập quán và đặt nơi thờ tự Thiên Hậu ngày một nhiều hơn. Cho đến ngày nay, ngoài sự hiện diện của người Hoa tại một số nơi như đường Huỳnh Thúc Kháng, đường Trần Hưng Đạo, đường Phan Đăng Lưu thì phố Gia Hội xưa (trước là An Hội) nay là đường Chi Lăng vẫn là khu vực tập trung đông đảo nhất người Hoa ở Huế.

Sau khi cộng đồng người Hoa di chuyển lên Gia Hội – Chi Lăng, họ tiếp tục thờ Bà Thiên Hậu tại hội quán Quỳnh Châu, số 307 đường Chi Lăng ngày nay. Hội quán Quỳnh Châu của người Hoa thuộc phủ Quỳnh Châu, Hải Nam, dân gian cũng quen gọi là *Chùa Bà*. Người Hoa còn phối thờ bà cùng với nhiều vị thần linh trong nhiều kiến trúc khác nằm dọc đường Chi Lăng: Chiêu Ứng Từ, hội quán Quảng Triệu, hội quán Triều Châu, hội quán Phúc Kiến.

Lịch sử hình thành và phát triển cộng đồng người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế cũng chính là quá trình tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu dần đặt dấu ấn, trở thành một bộ phận trong đời sống tín ngưỡng người dân Thừa Thiên Huế. Ngày nay, tuy cộng đồng người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế không còn đông đảo như trước vì nhiều lý do, nhưng tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu không vì thế mà mai một đi. Ngược lại, cùng với sự chuyển biến mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ nữ thần trong đời sống người dân Thừa Thiên Huế, tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu đang có sự lan tỏa ảnh hưởng đến người Việt ngày một nhiều hơn, không chỉ trong tỉnh Thừa Thiên Huế mà cả các tỉnh lân cận.

2.3. Hiện trạng tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu

2.3.1. Tổ chức xã hội gắn với việc quản lý và tổ chức các hoạt động ở cơ sở thờ tự

Như đã nói, sau năm 1644, một làn sóng người Hoa ồ ạt di dân sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Đàng Trong là nơi đón nhận nhiều người Hoa di dân đến nhất. Sự di dân ồ ạt trên đã khiến dân số người Hoa ở Huế và cả Đàng Trong gia tăng nhanh chóng. Tình hình này khiến cho các chúa Nguyễn phải tìm một hình thức tổ chức thích hợp nhằm dễ dàng quản lý họ. Vì vậy các vua chúa Nguyễn đã cho phép những Hoa kiều cư trú lâu ngày tập hợp lại, tổ chức thành Minh Hương xã. Chữ *Minh* (明) là tên triều đại Minh ở Trung Quốc, *Hương* (香) nghĩa là “huong thơm”, đồng nghĩa với chữ “huong” trong danh từ “huong hòa”. Như vậy, Minh Hương xã là làng xã của cộng đồng người Hoa thời Minh di cư đến Việt Nam,

¹ Khi những người Hoa mua thêm đất của làng Địa Linh để lập phố, họ đã xây Quan Thánh Miếu (Chùa Ông) ở vị trí tận cùng phía nam của làng. Đây cũng chính là cột mốc phía nam của Thanh Hà phố.

tự nguyện nhập quốc tịch Việt Nam nhưng họ vẫn luôn giữ hương thơm, nhớ đến hương hóa cổ quốc. Đến năm Minh Mạng năm thứ 8 (1827), tên gọi *Minh Hương* với chữ Hương – *thom* (香) đều đổi thành Minh Hương với Hương – *làng* (鄉), có nghĩa là “làng của người nhà Minh” [6, Tr. 295]. Theo đó, cơ cấu tổ chức của làng Minh Hương về cơ bản giống như một làng thuần Việt thời bấy giờ. Đất làng Minh Hương vốn thuộc địa phận làng Thanh Hà. Dưới triều Nguyễn, Minh Hương xã thuộc tổng Vĩnh Trị, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Dưới thời Ngô Đình Diệm, Minh Hương xã sáp nhập vào làng Thanh Hà thành ấp (thôn) Minh Thanh, thuộc xã Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên. Hiện nay, thôn này thuộc làng Minh Thanh, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trung tâm tín ngưỡng của người Minh Hương chính là Thiên Hậu cung thờ Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu. Trải qua hơn 400 năm tồn tại và phát triển, việc quản lý và tổ chức các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa tại Thiên Hậu cung đều do cộng đồng người Minh Hương thực hiện.

Trong khi hình thức tổ chức Minh Hương xã đang tồn tại thì đến đời Gia Long thứ 13 (1814), chế độ Bang được ban hành. Sự nhập cư mạnh mẽ của người Hoa vào Đàng Trong ở các thế kỷ XVII, XVIII đã làm số lượng Hoa kiều tăng dần lên cao. Hình thức tổ chức Minh Hương xã không còn đáp ứng được việc quản lý xã hội đối với đông đảo người Hoa. Vì thế, nhà nước phong kiến đã hướng đến một hình thức quản lý xã hội khác mới cho người Hoa, gọi là “Bang”. “Bang” vốn là một hình thức tổ chức xã hội Trung Hoa truyền thống được kế tục từ những quần thể tự cư tự phát của người Hoa trên đất Việt Nam, rồi phát triển dần qua các đợt di cư, hình thành từ nhu cầu được liên kết gắn bó chặt chẽ tạo ra sức mạnh đoàn kết, cùng tương trợ nhau xây dựng cuộc sống ở vùng đất mới [1, Tr. 61]. Tổ chức Bang được thiết lập trên cơ sở những người Hoa có chung ngôn ngữ, chung quê quán, chung dòng họ huyết thống... Đặc biệt, hai nhân tố quê quán – ngôn ngữ là hai điểm mấu chốt để người Hoa chia thành các bang khác nhau. Ban đầu ảnh hưởng của Bang còn khá mờ nhạt vì ảnh hưởng của tổ chức Minh Hương xã rất mạnh. Về sau, ảnh hưởng Bang ngày gia tăng mạnh mẽ. Có được điều đó là vì sau một quá trình di cư lâu dài, cộng đồng người Hoa không còn sống tập trung theo yếu tố dòng tộc, gia đình. Họ dần sống xen kẽ với người Việt, làm rất nhiều ngành nghề khác nhau. Lúc này cái họ cần chính là một tổ chức để họ đoàn kết, cùng hỗ trợ giúp đỡ nhau giữa những người đến từ nhiều gia đình, nhiều dòng họ. Vì thế mà tổ chức “Bang” nhanh chóng phát triển.

Năm Gia Long thứ 13 (1814), hình thức tổ chức bang được triều Nguyễn thể chế hóa chính thức. Tổ chức Bang dần được nhà Nguyễn cho thực hiện ở khắp các địa phương có người Hoa sinh sống. Sau khi xuất hiện, ảnh hưởng của Bang đối với cộng đồng người Hoa ngày càng phát triển mạnh. Ở Huế, phần đông người Hoa đến từ Phúc Kiến, Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông. Họ lập thành 4 bang: bang Phúc Kiến, bang Hải Nam, bang Triều Châu và bang Quảng Đông. Mỗi bang đều có một hội quán riêng của mình. Năm 1960, hình thức tổ chức Bang được bãi bỏ. Tuy vậy, trên thực tế hình thức tổ chức cộng đồng này vẫn tồn tại trong tâm thức của người Hoa, hiện hữu qua hình ảnh hội quán của các bang.

2.3.2. Kiến trúc thờ tự

Đến định cư ở Việt Nam, bên cạnh ngôi nhà riêng của mỗi gia tộc, cộng đồng người Hoa rất chú trọng xây dựng các kiến trúc tôn giáo để phụng thờ các vị thần linh trong đời sống tín ngưỡng của mình. Các kiến trúc thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu tất nhiên luôn được xây dựng bề thế. Ở tỉnh Thừa Thiên Huế, có 6 công trình kiến trúc có thờ tự Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, bao gồm Thiên Hậu cung(天后宮), Hội quán Quỳnh Châu (會館瓊洲), Chiêu Ứng Từ (昭應祠), Hội quán Quảng Triệu (會館肇廣), Hội quán Triều Châu (會館朝州), Hội quán Phúc Kiến (會館福建). Con số này ít hơn nhiều với số lượng điểm thờ Bà ở các vùng khác, đặc biệt là Nam Bộ. Điều này một phần do chính số lượng cộng đồng người Hoa ở vùng Thuận Hóa xưa vốn ít hơn rất nhiều so với các nơi khác, lại biến động theo chiều hướng giảm đi trong nhiều năm, đặc biệt sau năm 1979.

Thiên Hậu cung chính là nơi đầu tiên được người Hoa lập nên để thờ Bà. Bà Thiên Hậu được tôn xưng là Thánh Mẫu, nên nơi thờ Bà được xem như hoàng cung và được gọi là *Thiên Hậu cung*. Dần dần, do chịu ảnh hưởng Phật giáo nên bà được xem là vị Phật Bà trên biển Đông thường ra tay cứu độ những người đi biển. Thiên Hậu cung còn được dân gian gọi là *Chùa Bà*². Theo lời người dân trong vùng kể lại, kiến trúc Thiên Hậu cung trước kia rất lớn. Tất cả đều được xây bằng vật liệu đưa từ Trung Quốc sang, kiểu cách xây dựng trang trí đậm nét Trung Hoa. Trong cuộc chiến tranh chống Pháp, Thiên Hậu cung bị hư hại nặng, nhiều cổ vật thờ phụng bị mất mát. Tượng Thiên Hậu phải dời về lưu giữ tại Quan Thánh Miếu. Cuối năm 1958, dân làng quyên tiền xây dựng lại, đến năm 1959 thì hoàn thành, tượng Bà được rước về lại. Từ đó, kiến trúc Chùa Bà còn thay đổi qua nhiều lần sửa chữa. Hiện nay cấu trúc nơi này gồm một tam quan với dòng chữ 天后宮 (Thiên Hậu cung), đi qua sân, qua một bái đình là đến một tòa chánh điện thờ Thiên Hậu. Bên trái chánh điện có Hội Hương Đường, nơi tập trung dân làng đến lễ bái trong những ngày tế lễ. Bên phải có Tiên Hiền Đường, nơi thờ tổ tiên sau ngày Khai canh. Bên cạnh chánh điện là Tăng Gia (Khố Ly), nơi cư trú của cư sĩ trú trì (trú trì có vợ). Đến nay, toàn cảnh Thiên Hậu cung là một công trình kiến trúc Việt Nam. Như vậy, đã có sự chuyển biến kiến trúc từ nền văn hóa Trung Hoa sang nền văn hóa Việt Nam.

Người Hoa còn phối thờ Bà cùng với nhiều vị thần linh trong nhiều kiến trúc khác nằm dọc đường Chi Lăng. Đầu tiên là Chiêu Ứng từ, ngôi đền của người Hoa bang Hải Nam, hiện nằm ở số 207 đường Chi Lăng, giáp với đình phường Phú Cát. Chiêu Ứng từ cũng là hội quán của bang. Tại vị trí đền Chiêu Ứng hiện nay vốn đã có một ngôi chùa được xây năm 1887,

² Đây cũng là hiện tượng thường thấy trong đời sống tín ngưỡng của người dân Thừa Thiên Huế: đối với các cơ sở thờ tự, dân gian thường căn cứ vào *giới tính* vị thần/Phật chính được thờ trong đó mà gọi nhanh là *Bà* hay *Ông*. Vì thế Thiên Hậu cung có tên là *Chùa Bà*, Quan Thánh miếu thờ Quan Thánh Đế Quân trở thành *Chùa Ông*. Các kiến trúc dân gian khác cũng thường được gọi thành *miếu Bà*, *am Bà*, *am Ông* là vậy...

về sau chùa đổ nát. Đến năm 1907, nơi này được bang Hải Nam lập thành đền thờ anh linh 108 người Hoa ở Hải Nam tử nạn một cách oan trái trên biển. Chiêu Ứng từ có khuôn viên rộng khoảng 400 m², có tường sắt bao quanh. Sau cổng trước bằng sắt là cổng chính kiểu nhà có mái, chia ba gian, các cánh cửa đều bằng gỗ. Đằng sau cổng chính, qua sân thiên tỉnh là ngôi đình tứ giác mái kiểu cổ lâu, với bốn cột đúc giữa và bốn cột phụ. Tiếp sau đó là chính điện gồm 3 gian nhà.

Hội quán Quảng Triệu, ở số 223 đường Chi Lăng. Đây là nơi sinh hoạt hội họp, sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người Hoa bang Quảng Đông. Hội quán được xây dựng năm Giáp Ngọ (1894) và được trùng tu vào các năm 1912, 1934, 1962, 1970. Cổng chính có dạng nhà ba gian, hai bên trái phải trở 2 cửa nách để ra vào. Chính điện gồm có 3 gian nhà.

Hội quán Quỳnh Châu của người Hoa thuộc phủ Quỳnh Châu, Hải Nam tọa lạc tại 307 đường Chi Lăng. Diện tích hội quán thuộc loại nhỏ nhất trong các địa điểm thờ tự của người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua nhiều lần sửa chữa, kết cấu hội quán toàn bộ bằng gạch xây, không có sự hiện diện của gỗ trong các chi tiết công trình. Đây là nơi thờ chính Thiên Hậu Thánh Mẫu sau Thiên Hậu cung nên dân gian cũng quen gọi là *Chùa Bà*.

Hội quán Triều Châu, được người Hoa bang Triều Châu xây dựng, tọa lạc ở số 319 đường Chi Lăng. Nhìn từ phía ngoài, các bức tường được xây với hai màu đá trắng viền xanh, trông ra có nét trầm mặc hơn. Không có hệ thống hoa văn trang trí trên tường. Qua hai trụ cổng là đến tiền điện dài chia thành 5 gian. Tiếp một đình tứ giác kiểu cổ lâu, chính điện nằm trong cùng.

Hội quán Phúc Kiến, được Bang Phúc Kiến xây dựng vào năm Giáp Dần (1794), tọa lạc số 321 đường Chi Lăng. Từ xa nhìn lại, có thể dễ dàng nhận ra ngay với hệ thống mái nhiều tầng, hình thuyền, hai đầu đao vút cong, tạo cảm giác thanh thoát. Hệ thống cửa cái và cửa sổ có hình tròn, giống như mắt cọp – biểu tượng của cộng đồng người Hoa Phúc Kiến. Khuôn viên hội quán rộng chừng 400 m², phía trước có tam quan 2 tầng. Vượt qua khỏi sân sẽ thấy tiền đường hai tầng lầu, tả hữu hai đình tứ giác. Đây là hội quán duy nhất có tiền đường hai tầng lầu. Qua thêm một sân nữa là đến chính điện cũng hai tầng lầu. Trông vẻ bề ngoài, hội quán Phúc Kiến rất bề thế, sắc màu chói lọi, rực rỡ nhất so với các hội quán khác ở Huế.

2.3.3. Vị trí thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và lịch ngày lễ cúng bái hàng năm

Vị trí đặt tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu thay đổi ở từng cơ sở thờ tự cụ thể.

Tại Thiên Hậu cung, trong chính điện có ba gian thờ: Gian giữa, chính điện trung tâm thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Hai thần Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhãn hầu cận hai bên gian thờ. Gian tả đặt án thờ Tam Thai Thánh Mẫu Nương Nương và Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa (dân gian quen gọi là 3 Bà 12 Mụ). Gian hữu thờ Văn Xương Đế Quân và Phúc Đức Chính

Thần. Có một bức tượng nhỏ đặt trước tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu, thường được thuyết minh là con trai của Thiên Hậu. Hiện tượng này chỉ có ở Thiên Hậu cung tại tỉnh Thừa Thiên Huế, các nơi khác không hề thấy chi tiết này. Ngày lễ chính của Thiên Hậu cung là ngày vía Đản sanh Bà Thiên Hậu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hàng năm³. Ngoài ra, tại Thiên Hậu cung còn có nhiều ngày lễ lớn khác: Ngày 16.1 âm lịch: Lễ cầu an đầu năm; ngày 17.1 âm lịch: Lễ các Bà; ngày 2.2 âm lịch: Lễ vía Văn Xương Đế Quân và Phước Đức Chính Thần; ngày 10.6 âm lịch: Lễ Linh Quang Miếu nhằm cúng Ngũ Hành Nữ Thần (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ).

Tại hội quán Quỳnh Châu, trong chính điện có ba gian thờ. Gian chính giữa, tiền thờ Phật Bà Quan Âm và Ngọc Hoàng Thượng đế, hậu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Đứng trước Thiên Hậu Thánh Mẫu là hai vị Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhãn. Gian bên trái thờ Quan Thánh Đế Quân. Ngồi ngồi trên ngai, hai bên có Châu Xương – con nuôi, Quan Bình – con trai, đồng thời là hai võ tướng trung thành với Quan Công đứng hầu. Bên cạnh bàn thờ là tượng ngựa Xích Thố, con thiên lý mã của Ngài. Gian bên phải thờ vọng các phúc thần. Ngoài ngày vía Bà Thiên Hậu là ngày lễ chính, hội quán còn có ngày vía Quan Thánh Đế Quân (13 tháng Ba âm lịch và 24 tháng Sáu âm lịch); ngày vía Ngọc Hoàng Thượng đế (9 tháng Giêng âm lịch); ngày vía Phật Bà Quan Âm (19 tháng 2 âm lịch).

Tại Chiêu Ứng từ, gian giữa, mặt tiền đặt bàn thờ Phật Bà Quan Âm, phía hậu đặt án thờ 108 anh linh trên. Hai bên, gian trái thờ bà Thiên Hậu, gian phải thờ Đức Khổng Tử. Ngoài các dịp tết, rằm, lịch cúng bái của hội quán gồm lễ cúng 108 vị anh linh (ngày 16 tháng Sáu âm lịch), ngày vía Phật Bà Quan Âm, ngày vía Bà Thiên Hậu.

Chính điện hội quán Triều Châu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu. Ngoài ra, còn phối thờ Quan Thánh, thờ cả các bậc tiên hiền, hậu hiền. Ngoài ngày lễ vía Bà Thiên Hậu, ngày hội lớn nhất ở hội quán là ngày rằm tháng giêng âm lịch hàng năm.

Trong khi đó, ở hội quán Quảng Triệu của người Hoa bang Quảng Đông, nội thất gồm 3 gian thờ: Gian giữa thờ Quan Thánh Đế Quân, gian trái thờ Thiên Hậu, gian phải thờ Tài Thần (Phúc Thần). Tại gian thờ Thiên Hậu, phía trước tượng Bà có phối thờ hai nữ thần Long Mẫu Nương Nương và Kim Huê Nương Nương. Ngày lễ chính của hội quán là 13 tháng Giêng – vía sanh Quan Thánh Đế Quân, ngày 23 tháng 3 âm lịch – vía bà Thiên Hậu, ngày 24 tháng Sáu âm lịch – ngày vía Quan Thánh Đế Quân. Một dịp lễ thu hút sự tham gia của đông đảo mọi người là ngày mừng 7 tháng giêng âm lịch hàng năm.

Tại hội quán Phúc Kiến, gian giữa thờ các vị gồm Tam vị Vương gia vốn là các thầy thuốc giỏi chuyên trị bệnh cứu người, gian bên trái thờ Quan Công, gian bên phải thờ bà Thiên Hậu.

³ Ngày lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu còn có ngày vía Thăng thiên vào mùng 9 tháng 9 âm lịch (tức ngày Trùng Dương/Đoan Dương/Trùng Cửu). Thông thường, các nơi thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu đều chú trọng ngày 23 tháng 3 âm lịch.

Tại gian thờ Bà Thiên Hậu, hai bên có phối thờ hai thần Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhân. Ngoài ra, còn có 2 hàng tượng Bà và hai thần với kích thước nhỏ hơn đặt phía trước. Ngày lễ chính tại hội quán là ngày 15 tháng 3 âm lịch – ngày kỵ Tam vị vương gia, ngày vía Quan Thánh Đế Quân và ngày vía bà Thiên Hậu.

Ngoài những ngày lễ chính liên quan đến các đối tượng được thờ trong chính điện, cộng đồng người Hoa còn một loạt ngày lễ khác theo lịch lễ hội hàng năm của người Hoa và người Việt, như những ngày rằm, ngày mừng 2 âm lịch và ngày 16 âm lịch hàng tháng, các dịp Tết Nguyên Đán, tết Hàn Thực, tết Thanh Minh, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu, v.v...

2.3.4. Nghi lễ thờ cúng, lễ hội

Nghi thức thờ cúng là phương tiện, cầu nối để con người giao tiếp với thần linh. Thông qua trình tự thờ cúng cũng như lễ vật cúng tế, bài văn tế, con người thể hiện sự tôn kính, ca ngợi công đức vị thần mà mình thờ phụng. Hoạt động này thường chỉ diễn ra trong không gian của kiến trúc thờ tự. Tại Thiên Hậu cung, hoạt động này do cư sĩ trú trì thực hiện. Vị trú trì là người chịu trách nhiệm trông coi, quản lý di tích; đồng thời là người thực hiện mọi việc liên quan đến tế lễ và các hoạt động nghi lễ cúng cấp. Các hội quán đều có một ban quản lý hội quán, nhưng việc hương khói hàng ngày do chính những người sống trong các hội quán thực hiện⁴. Cách thức thờ cúng giống nhau ở cả Thiên Hậu cung và các hội quán, và mang đậm văn hóa dân gian Thừa Thiên Huế: Hương trầm, hoa quả, vàng mã...

Sự khác biệt có thể nhận rõ qua ngày vía Thiên Hậu Thánh Mẫu. Ngày lễ 23 tháng 3 âm lịch hàng năm còn được gọi là *Thiên Hậu Kỵ Tế (Xuân tế)* là ngày lễ lớn nhất đối với người Hoa. Vào ngày này, tất cả các điểm thờ Bà Thiên Hậu đều thực hiện việc cúng tế. Tuy nhiên, do sự khác biệt trong tổ chức quản lý các di tích thờ tự (người Minh Hương hay các bang) mà cách thức tổ chức, thực hiện các hoạt động nghi lễ, sinh hoạt tín ngưỡng gắn với tục thờ Bà Thiên Hậu cũng khác nhau.

Lễ hội có quy mô lớn nhất diễn ra tại Thiên Hậu cung. Trước ngày chính lễ, đêm 22.3, người ta tổ chức Lễ túc yết cáo thần, lễ vật thường có heo xôi, hương đèn, hoa quả, rượu trà, bánh trái các loại. Trong ngày chính lễ, Thiên Hậu cung được trang hoàng cờ ngũ hành, cờ đại. Ở bái đình bày 3 án theo đúng vị trí án thờ nội điện. Án giữa phủ khăn gấm đỏ có thêu 2 chữ Thiên Hậu. Mỗi án đều bày lễ vật cúng tế. Trước khi vào cúng lễ, người ta tế tam sanh (heo, bò, dê). Trước kia người Hoa còn xin keo (gieo keo bằng hai đồng tiền, nếu một mặt sấp, một mặt ngửa là được) rồi mới vào lễ cúng. Lễ cúng do ông chánh bái và các ông văn lễ tiến hành.

⁴ Hiện nay, các hội quán đều có người sinh sống ngay trong khuôn viên di tích. Ngày thường chính điện được khóa cửa, chỉ khi quét dọn, hương khói mới mở ra. Mọi sinh hoạt thường nhật diễn ra ở các phân khuôn viên bên cạnh chính điện. Khi có các lễ hội lớn thì chính điện mới được mở rộng cửa cho mọi người vào tham gia.

Mỗi phần cúng lễ đều dâng một tuần rượu. Chuông trống luôn được đánh suốt thời gian hành lễ. Trong thời gian tiến hành lễ hội, ngoài phần chính lễ, còn có rất nhiều hoạt động văn hóa góp phần làm các ngày lễ thêm phần sinh động và hoành tráng. Điểm đặc biệt ở đây là việc thực hiện lễ tế một vị thần gốc Hoa nhưng toàn hoàn theo phong cách văn hóa Việt: Các vị thực hiện lễ tế đều mặc áo dài màu xanh dương kiểu Việt; trình tự lễ tế theo kiểu Nho giáo gồm 3 phần: phần Hành sự hiến lễ (phần đầu buổi lễ); phần Hành á hiến lễ (phần giữa buổi lễ); phần Hành chung hiến lễ (phần cuối buổi lễ); cách thức quỳ lạy đậm văn hóa cung đình triều Nguyễn; nghi thức và văn cúng tế đọc bằng tiếng Việt. Ngày lễ vía Bà ở Thiên Hậu cung đã hoàn toàn được *Việt hóa*, như kiến trúc và tổ chức quản lý cơ sở thờ tự này.

Tại các hội quán, cộng đồng người Hoa thuộc các bang tổ chức ngày lễ vía Bà trong hai ngày 22, 23 tháng 3 âm lịch. Ngày 22, lễ mộc dục (tắm Bà) được thực hiện. Sang ngày 23, lễ cúng được bắt đầu từ lúc 9 giờ sáng với hoạt động thỉnh chuông, trống, thắp hương trầm tại án thờ. Loại hương được thắp ở mỗi bát hương là 3 thẻ hương dài kiểu Trung Quốc màu đỏ tươi, có đính kèm hình trang trí, chữ Hán. Lễ vật được chuẩn bị đa dạng, thường chuộng trái cây màu sắc đẹp ý nghĩa tốt lành. Một số năm các hội quán có chuẩn bị những vật phẩm màu đỏ – màu tốt lành người Hoa thường ưa chuộng – như trứng nhuộm đỏ, các loại bánh bọc giấy đỏ để dâng cúng và cho người tham gia lễ hội mang về. Lễ vật không thể thiếu trong ngày vía Bà Thiên Hậu chính là món heo quay. Không chỉ có phần lễ cho ban tổ chức lễ vía chuẩn bị dâng lên cúng Thiên Hậu, mà nhiều cá nhân và các gia đình người Hoa cũng chuẩn bị những phần lễ riêng (heo quay nguyên con, bánh trái, hoa quả) để mang tới dâng cúng trong ngày lễ. Cúng xong, một phần lễ họ mang về nhà gọi là hương lộc của Bà. Sau phần lễ cúng, bà con thường tham gia ăn uống cùng nhau. Đây là dịp để tất cả những người Hoa gặp gỡ, chuyện trò; cũng là cơ hội cho những người Việt (được mời dự hoặc chủ động mua vé dùng cơm) vừa thưởng thức các món ăn nấu kiểu Hoa, vừa tận hưởng không khí lễ hội vía Bà. Chính nhờ đó mà sự giao thoa văn hóa Việt Hoa ngày một nhiều hơn.

Lễ hội vía Bà ở trong cộng đồng người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế khá đơn giản. Ở đây không có các hoạt động biểu diễn văn nghệ, đấu giá đèn lồng, thi biểu diễn múa lân hay văn nghệ như trong Nam Bộ. Phần lễ được chú trọng hơn hẳn phần hội. Tuy nhiên, không vì thế mà các lễ hội mai một đi. Ngược lại, thời gian gần đây, phần hội được chú trọng hơn, nhằm thu hút sự quan tâm tham gia của người Hoa, người Việt, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên. Sự hứng thú của mọi người với hình ảnh Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu nói riêng và các đối tượng được phối thờ trong các di tích này ngày một gia tăng theo thời gian. Sự tham gia ngày một tích cực, đông đảo của người Việt trong các dịp lễ hội của người Hoa, không chỉ ở lễ vía Bà mà cả các dịp lễ hội khác là minh chứng cho thấy có sự chuyển mình mạnh mẽ của đời sống văn hóa cộng đồng người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Một số vấn đề đặt ra

3.1. Sự hình thành và phát triển của tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa dưới tác động của nhà Nguyễn

Lịch sử ghi nhận chính chính sách nhà Nguyễn với cộng đồng người Hoa đã tạo điều kiện thuận lợi, góp phần quan trọng cho sự định hình tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu tại vùng Thuận Hóa xưa, Thừa Thiên Huế nay. Ban đầu nữ thần Thiên Hậu chỉ được thờ cúng trong nội bộ cộng đồng người Hoa, chưa được triều đình phong kiến chính thức thừa nhận. Về sau, do sự linh ứng của Bà trên biển cả mà hình ảnh Thiên Hậu thường được đồng nhất với hình tượng Quan Âm Nam Hải trong Phật giáo. Người Việt dân biết đến Bà Thiên Hậu, một vị *Phật Bà* trên biển Đông. Đến thời các vị vua Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 7 (1826), vua Minh Mạng đã sắc phong Thiên Hậu làm “*Hồng Từ Bác Nghĩa An Tể thượng đẳng thần*” [9, Tr. 51]. Qua năm 1831, sắc phong thêm 2 chữ “*Phổ Trạch*”. Dưới thời Thiệu Trị (1842), nhà vua ra 2 đạo sắc: một đạo phong làm “*Hồng Từ Bác Nghĩa An Tể Linh Hựu Thiên Phi Thượng Đẳng Thần*”, một đạo phong làm “*Hồng Từ Bác Nghĩa An Tể Phổ Trạch Linh Hựu Gia Huống Thiên Phi Thượng Đẳng Thần*”. Đến năm Tự Đức thứ 3 (1850), Thiên Hậu được gia tặng “*Hồng Từ Bác Nghĩa An Tể Phổ Trạch Linh Hựu Gia Trang Thiên Phi thượng đẳng thần*”. Như vậy, Thiên Hậu Thánh Mẫu – một vị nữ thần gốc Hoa đã được triều đình phong kiến gia phong, thừa nhận là một trong những vị nữ thần thuộc hàng thượng đẳng thần trong hệ thống thần linh nói chung và các nữ thần nói riêng. Tuy nhiên, suốt thời Nguyễn, thời Pháp thuộc, thời chống Mỹ cho đến những năm 90 của thế kỷ XX, tục thờ Thiên Hậu chủ yếu vẫn tồn tại âm thầm trong cộng đồng người Hoa. Người Việt (sinh sống gần các cơ sở thờ tự) có tham gia một số hoạt động cúng bái nhưng không mang tính chất hệ thống. Thời gian gần đây, người Việt bắt đầu tham gia nhiều hơn các hoạt động tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu.

Tuy cùng thờ Bà Thiên Hậu, Thiên Hậu cung và các hội quán thuộc sự quản lý của hai tổ chức xã hội khác nhau. Dĩ nhiên, *Minh Hương xã* và *Bang* là cách nhà nước phong kiến quản lý về mặt tổ chức xã hội. Còn thật ra, người Minh Hương và người hàng bang vẫn luôn coi nhau là người một nhà, yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Mãi về sau này, do quá trình biến động dân cư, những người Hoa di chuyển đến nhiều nơi khác nhau ở Huế, đồng thời, cũng do sự thay đổi dân cư mà ngày càng có nhiều người Việt chuyển đến sống xen kẽ với cộng đồng người Hoa. Quá trình Việt hóa tác động mạnh mẽ khiến cho mối quan hệ giữa người Minh Hương với người hàng bang mỗi ngày có phần mờ nhạt dần đi. Từ đó, sự khác biệt trong tổ chức quản lý các cơ sở thờ tự Thiên Hậu Thánh Mẫu ở tỉnh Thừa Thiên Huế là nguyên nhân khiến nghi thức thờ cúng và lễ hội trong tục thờ Bà ở đây có những nét khác biệt. Đó cũng là minh chứng cho quá trình Việt hóa của bộ phận người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế so với các nơi khác – nguyên nhân tất yếu cho sự ảnh hưởng mạnh yếu tố văn hóa Việt lên bộ phận người Hoa.

3.2. Tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa ở Thừa Thiên Huế ngày nay là kết quả giao lưu, tiếp biến văn hóa Hoa với văn hóa các tộc người khác, mà chủ đạo là văn hóa Việt.

Quá trình này kéo dài suốt hơn 400 năm, trải qua bao thăng trầm lịch sử. Kết quả là hiện trạng tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở Thừa Thiên Huế hiện nay có những đặc điểm riêng biệt rất thú vị.

Trong 6 nơi thờ tự được khảo sát, Thiên Hậu được thờ ở vị trí chính giữa tại ba di tích, thờ ở vị trí gian trái tại hai di tích, chỉ có phối thờ ở vị trí gian phải ở 1 di tích. Điều đó chứng tỏ trong tất cả các đối tượng được thờ trong các di tích công cộng của người Hoa ở Huế, Bà Thiên Hậu luôn có vị trí quan trọng đặc biệt. Trong đó Thiên Hậu cung và hội quán Quỳnh Châu được dân gian quen gọi là *Chùa Bà*, hội quán Quảng Triệu còn được gọi là *Chùa Ông* (vì tượng Quan Thánh Đế Quân được thờ ở trung tâm). Tất cả các nơi này cư dân xung quanh quen gọi chung một cái tên chung là *chùa Hoa*. Dù biết những nơi này không thờ Phật, không liên quan đến Giáo hội Phật giáo, cũng không có các sinh hoạt của Phật tử, nhưng người dân vẫn thấy thoải mái khi gọi “chùa” và nói không cần đính chính. Đây cũng là minh chứng cho sự giao thoa giữa văn hóa tín ngưỡng người Hoa và văn hóa Phật giáo ở vùng đất Thừa Thiên Huế.

Thiên Hậu cung mang phong cách kiến trúc thuần Việt. Còn 5 công trình còn lại đều mang đậm nét phong cách kiến trúc Trung Hoa. Yếu tố văn hóa Việt trong các kiến trúc này thể hiện chủ yếu qua phần mái. Nếu nhìn riêng mái ngói ở các cơ sở này, nhiều người cho rằng nó hoàn toàn là một sản phẩm của văn hoá Hoa. Nhưng nếu đối chiếu nó với các công trình kiến trúc khác (đặc biệt là các công trình kiến trúc triều Nguyễn) và so sánh với các hội quán ở các vùng khác (Hội An, thành phố Hồ Chí Minh), ta sẽ nhận thấy rất rõ tính địa phương và yếu tố Việt thể hiện qua mái ngói này. Xét riêng mái ngói hội quán, phần nhiều chúng gọi lên hình ảnh hoàn hảo các mái ngói trong các công trình kiến trúc cung đình Huế: ngói lợp theo kiểu âm dương, các đầu hồi, bờ quyết trang trí rất nhiều con giống, đặc biệt ở trung tâm mái thường chọn motif “lưỡng long triều nhật” hoặc “lưỡng long triều nguyệt” để trang trí. Hình ảnh con rồng xuất hiện cũng là con rồng thời Nguyễn chứ không phải mang dấu ấn rồng Trung Hoa. Trong một số trường hợp, ở đường nóc, bờ quyết của kiến trúc còn có sự phối hợp của những motif cách điệu khác nhau như tứ linh, giao hóa, long hóa, hoa dây, hồi văn gãy góc... kể cả sự phối hợp của những dải lượn theo lối tạo đầu mái bằng dạng câu đầu, trích thủy, mặt nạ... trong kiểu lợp âm dương từ các loại ngói ống hay vỏ măng. Và, cũng do tiếp xúc trực tiếp với mưa nắng, gió bão... thường xuyên nên tạo hình trang trí thể hiện ở đây thường sử dụng vật liệu làm bằng pháp lam (tráng men trên cốt kim loại), gốm tráng men, vôi vữa, khảm sành sứ... Chính vì vậy, chúng thường giữ được nét rực rỡ trước mọi đe dọa của khí hậu và thời gian. Cũng do mưa nhiều, nên hệ thống mái ở các công trình kiến trúc Huế

được kéo dài, đưa ra xa để bảo đảm cho chân cột không bị mưa hắt, hư hỏng, nhất là trong tình hình mưa gió bão lụt thất thường ở vùng đất này. Ở Hội An, kiểu kiến trúc mái cũng thể hiện sự tác động của điều kiện tự nhiên như ở Huế này. Càng đi vào trong Nam Bộ, hệ thống mái mang yếu tố biểu tượng cho kiến trúc Trung Hoa khá nhiều, không bộc lộ ảnh hưởng điều kiện tự nhiên từng địa phương như ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trừ Thiên Hậu cung, các điểm còn lại đều nằm gần nhau trên một trục đường gần Kinh thành Huế, thuận lợi cho mọi người tham quan, tìm hiểu. Khác với các di tích thờ tự các vị khác, thường lan tỏa theo hướng từ thượng nguồn về hạ lưu, theo dòng thời gian mà mở rộng nhiều điểm thờ dần dần xa khỏi vùng trung tâm là đồng bằng sông Hương; lịch sử hình thành và tồn tại của người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế khiến cho sự phát triển lại đi theo hướng ngược lại, đó là từ phía Thanh Hà – Bao Vinh đi ngược về lại Chi Lăng – Gia Hội, từ vùng biên phát triển về gần với trung tâm. Đó là nét đặc biệt trong sự phát triển tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.3. Sự chuyển biến ý nghĩa, chức năng linh thiêng của Thiên Hậu Thánh Mẫu hiện nay

Tạ Chí Đại Trường đã từng nhận xét: *Sự phát triển thương mại bằng đường biển, sự cần thiết di chuyển – nhất là di dân về phía nam – thuận lợi hơn bằng đường biển đã nâng cao vị thế các nữ thần biển, mà Thiên Hậu là một minh chứng* [8, Tr. 182]. Thiên Hậu Thánh Mẫu trước tiên là *vị nữ thần Biển*, phù hộ độ trì cho cộng đồng người Hoa trong quá trình định cư, sinh sống và lao động ở những vùng đất mới. Ngay từ trong thần tích và các câu chuyện dân gian về Bà từ cố quốc Trung Hoa đã cho thấy điều đó. Vì thế, khi đến với các điểm thờ Bà, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy rất nhiều hiện vật liên quan đến sự linh hiển của Bà trên đại dương. Đó là hình ảnh những con tàu đã đưa đoàn di dân đến với những vùng đất mới, được làm thành mô hình đặt trước tượng Bà hoặc được đưa vào các chi tiết trang trí. Đó là sự hiện diện của hai ngài Thuận Phong Nhĩ, Thiên Lý Nhân để trợ giúp Thánh Mẫu cứu giúp những con dân bị nạn trên biển. Cũng vì thế, Thiên Hậu Thánh Mẫu dễ dàng được triều đình phong kiến Việt Nam thừa nhận và gia phong nhiều mỹ tự, bởi sự tương đồng giữa Bà với nhiều vị nữ thần bản địa, đặc biệt với hình ảnh Nam Hải Quán Thế Âm Bồ Tát vốn rất gần gũi trong tâm thức người dân Việt. Người dân cũng thường cúng (tặng) nhiều pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm đủ kích cỡ cho các điểm thờ Bà Thiên Hậu và quen gọi *Chùa Bà* cũng là vậy.

Từ chức năng là *vị nữ thần Biển*, Thiên Hậu Thánh Mẫu dần được xem là *nữ thần che chở cho những người phụ nữ sinh nở, hộ mệnh cho trẻ sơ sinh*. Đây là một *chức năng mới* được người dân gán cho Bà Thiên Hậu trong quá trình định chân trên vùng đất Nam Bộ [5]. Riêng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, các nơi thờ Bà gắn với cộng đồng người Hoa không thấy chức năng này, mà chủ yếu xuất hiện ở cộng đồng người dân xung quanh *Thiên Hậu cung*. Như đã nói, tại gian giữa Thiên Hậu cung, phía trước tượng Bà có bức tượng nhỏ mà mọi người đều giải thích đó là *con trai* của Thiên Hậu, bởi người dân cho rằng Thiên Hậu là một *người Mẹ* nên Bà có

những đứa con. Chi tiết này chỉ có ở tỉnh Thừa Thiên Huế, không hề thấy xuất hiện ở bất kỳ điểm thờ nào khác trên cả nước. Dù vậy, dân gian đồng tình rằng Bà là *Thánh Mẫu* nên luôn che chở cho những người phụ nữ làm mẹ, trẻ sơ sinh. Đồng hành cùng Thiên Hậu là Tam Thai Thánh Mẫu Nương Nương và Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa. Tam Thai Thánh Mẫu gồm Chú Sinh Nương Nương, Chú Thai Nương Nương và Cứu Thiên Huyền Nữ. Thập Nhị Hoa Phi Công Chúa gồm: Đệ nhất Huyền Trần Lệ Ninh Từ Bi Công chúa, Đệ nhị Tinh Tường Thủy Hoàng Công chúa, Đệ tam Bạch Liên Hoa, Đệ tứ Huỳnh Tiên Hoa, Đệ ngũ Đào Lý Hóa, Đệ lục Hoa, Đệ thất Quý Hoa, Đệ bát Dương Hoa, Đệ cửu Ngọc Nữ Hoa, Đệ thập Lý Dung, Đệ thập nhất Diệu Nghiêm Công chúa, Đệ thập nhị Bảo Nữ Công chúa. Dân gian quen gọi đây là *Bà Bà 12 Mụ – những vị thần chăm lo cho phụ nữ mang thai, sinh con an toàn và chăm dạy con cái*. Vùng Thừa Thiên Huế vốn có sự hiện hữu của 3 bà 12 mụ cùng một loạt phong tục dân gian gắn với việc mang thai, sinh con đẻ cái, nuôi dạy con cái nên khi chức năng này được gán cho Thiên Hậu thì tuy không phổ biến nhưng nhiều người vẫn chấp nhận. Hiện tượng những người phụ nữ thường tới Thiên Hậu cung cầu nguyện khẩn vái là minh chứng cho điều đó.

Như đã nói, thời gian gần đây, ngày càng có nhiều người Việt tham gia các hoạt động văn hóa gắn với tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, bởi họ tin rằng *Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị nữ thần mang đến sự may mắn, tài lộc, thịnh vượng*. Đây là chức năng mới nhất của Bà Thiên Hậu – một vị *phúc thần* nhưng lại đang dần trở thành chức năng phổ biến nhất. Có lẽ hiện tượng một bộ phận người Hoa ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và trên toàn quốc làm kinh doanh, thương mại trở nên giàu có khiến nhiều người Việt tin rằng họ được Thiên Hậu phù trợ. Vì thế, một bộ phận người Việt tiếp nhận điều này và tự nhiên đến cầu xin sự may mắn, tài lộc từ Bà. Sự truyền miệng dân gian về sự linh thiêng của Bà cũng là nguyên nhân khiến ngày một nhiều người đến các điểm thờ tự Thiên Hậu Thánh Mẫu. Kết quả là những ngày lễ hội vốn chỉ bó hẹp trong cộng đồng người Hoa, nay ngày một thu hút đông đảo sự tham gia của người dân Thừa Thiên Huế và các tỉnh lân cận. Đó là biểu hiện rõ nhất của sự chuyển biến ý nghĩa thờ cúng Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa với người Việt trong vùng đất Thừa Thiên Huế ngày nay.

3.4. Tương lai phát triển của tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu

Truyền thống, tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu gắn với việc thờ cúng, lễ hội và các sinh hoạt văn hóa chỉ diễn ra trong phạm vi cộng đồng người Hoa và cư dân quanh Thiên Hậu cung. Hoạt động thờ cúng hàng ngày và lễ hội vía Bà cũng chỉ trong phạm vi các bang người Hoa. Hiện nay, điều đó đã thay đổi. Tuy cách tổ chức lễ hội và các hoạt động khác không thay đổi, nhưng ngày càng có nhiều người tham gia các lễ hội. Điều đó cho thấy tục thờ Bà Thiên Hậu đang có sự phát triển mạnh mẽ trong đời sống tín ngưỡng người dân hiện nay. Đây cũng là một lý do góp phần thúc đẩy đời sống tín ngưỡng thờ nữ thần ở tỉnh Thừa Thiên Huế ngày một đa dạng, phong phú hơn.

Tuy nhiên, quá trình các hoạt động diễn ra cũng cho chúng ta thấy một số vấn đề cần quan tâm, lưu ý. Việc truyền miệng vào sự linh thiêng của Bà cùng những đối tượng được phối thờ trong các kiến trúc người Hoa gắn với hành động cầu nguyện, hương khói, đặc biệt là hoạt động gieo quẻ, xin xăm trong những năm gần đây ở các Hội quán Quỳnh Châu, hội quán Quảng Triệu khiến rất nhiều người dân đủ mọi lứa tuổi, giới tính, thành phần nô nức rủ nhau đến tham gia. Thậm chí nhiều người Việt, đặc biệt là phụ nữ rủ nhau tới các hội quán để xin xăm, xin quẻ bất cứ khi nào có nhu cầu. Chúng tôi đã nhiều lần chứng kiến những hoạt động này ở các hội quán. Nhiều người Việt cho biết không biết đối tượng mình đang quỳ lạy, van vái, nguyện cầu trước mặt là ai. Họ chỉ đơn giản nguyện Bà, nguyện Nữ thần/Mẫu thần và trình bày những ước vọng của mình. Năm này đến năm khác, họ lại tiếp tục lặp lại các hành động đó. Điều này đặt ra một vấn đề làm sao cho cả ban quản lý các điểm kiến trúc, di tích và cộng đồng người Hoa, du khách và người dân Thừa Thiên Huế có được những thông tin chính xác, đầy đủ nhất về các kiến trúc, đối tượng thờ cúng, cách thức tham gia để việc tham gia sinh hoạt tín ngưỡng được diễn ra tốt đẹp. Đồng thời cần hạn chế các hiện tượng mê tín, quá tin vào hên xui. Bên cạnh đó, việc bảo tồn chính các cơ sở thờ tự cũng là nhu cầu cần thiết, vừa bảo vệ các di tích kiến trúc văn hóa lịch sử, vừa bảo đảm sự hài hòa trong cảnh quan kiến trúc đô thị của tỉnh nhà. Thực hiện những điều này là cơ sở cho sự phát triển tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ngày một tốt hơn, góp phần đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người Hoa nói riêng và cư dân Thừa Thiên Huế nói chung.

4. Kết luận

Tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa là một bộ phận trong tín ngưỡng thờ nữ thần ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhìn nhận bản sắc và giá trị truyền thống cũng như sự vận động biến đổi của tục thờ trong bối cảnh hiện nay là cần thiết. Đó là nền tảng để chúng ta có thể bảo tồn và phát huy tục thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và những giá trị văn hóa của cộng đồng người Hoa – một bộ phận tạo nên bản sắc và giá trị tín ngưỡng thờ nữ thần ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng cũng như bản sắc văn hóa Huế phong phú và đa dạng nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Châu Hải (1992), *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
2. Võ Văn Hoàng (2008), "Thiên Hậu Thánh Mẫu trong tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở Hội An", *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, Tr. 343–353.
3. Vũ Ngọc Khánh, Mai Ngọc Chúc và Phạm Hồng Hà (2005), *Nữ thần và thánh Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội.

4. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam Bộ: tín ngưỡng và tôn giáo*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
6. Lê Nguyễn Lưu (2006), *Văn hóa Huế xưa, tập II: Đời sống văn hóa làng xã*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
7. Nguyễn Quang Trung Tiến (2010), "Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh", trong Nguyễn Quang Trung Tiến – Nishimura Masanari (Cb), chủ biên, *Văn hóa – lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, Tr. 10–28.
8. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần, người và đất Việt*, Nxb. VHTT, Hà Nội.
9. Trần Đại Vinh (2006), *Tín ngưỡng dân gian Huế*, Tái bản, Nxb. VHTT, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Thơ (2012), *Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Nam bộ Việt Nam*, truy cập ngày 12–3–2016, tại trang web <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-ung-xu-voi-moi-truong-xa-hoi/2322-nguyen-ngoc-tho-tin-nguong-thien-hau-tai-nam-bo-viet-nam.html>.

THE CULT OF TIANHOU OF CHINESE PEOPLE IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Dương Thị Hải Vân

HU – University of Sciences, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. Tianhou (Mazu) is a Chinese goddess who was brought by the Chinese in the journey of migration from China to Vietnam in the seventeenth, eighteenth and nineteenth centuries. The cult of Tianhou has appeared in the places where the Chinese community live. In Thua Thien Hue province, for many reasons, the cult of Tianhou is not as popular as in other places, but still has the unique characteristics. This article is the result of field trips collecting factual data from Hue city and Huong Tra District. We have focused on three subjects: the process of shaping and development of the cult of Tianhou of the Chinese people living in Thua Thien Hue province, the characteristics of the cult of Tianhou – a part of the goddess worship in Thua Thien Hue, and the changes in the cult of Tianhou at present.

Keywords. Chinese goddess, Chinese people, Tianhou (Mazu), Thua Thien Hue